UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12859 /GPMT-UBND	*Bến Lức, ngày 03 tháng 11 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của HĐND-UBND huyện Bến Lức;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM số 024/CV-BENLUC ngày 24/10/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM có Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Bến Lức hoạt động tại địa chỉ số 61, quốc lộ 1A, khu phố 4, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Siêu thị Co.opmart Bến Lức" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Co.opmart Bến Lức.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 61, quốc lộ 1A, khu phố 4, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 5012000417 do UBND tỉnh Long An chứng nhận lần đầu ngày 17/12/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã, mã số 0301175691-022. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An; Đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/03/2020.

1.4. Mã số thuế: 0301175691

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị với các hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

1.6.1. Phạm vi: Siêu thị Co.opmart Bến Lức, số 61, quốc lộ 1A, khu phố 4, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

1.6.2. Quy mô: diện tích 10.902 m^2 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA031355 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2015).

1.6.3. Công suất: phục vụ tối đa 1.800 khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*từ ngày 03 tháng 11 năm 2022 đến ngày 03 tháng 11 năm 2032*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Siêu thị Co.opmart Bến Lức của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Sở TN&MT;*
- Liên hiệp HTX TM TP.HCM;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND thị trấn Bến Lức;
- NC.ub;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thành Út

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12859/GPMT-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Bến Lức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của khách hàng từ nhà vệ sinh nữ.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của khách hàng từ nhà vệ sinh nam.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt khách hàng từ nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của nhân viên từ nhà vệ sinh cho bảo vệ.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của nhân viên từ nhà vệ sinh cho nhân viên Siêu thị.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ khu vực chế biến thức ăn.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu vực Fastfood.

2. Dòng nước thải xả nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước trên Quốc lộ 1A, sau đó chảy ra sông Vàm Cỏ Đông cách khoảng 700 m, tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

2.2. Vị trí xả thải: tại cống thoát nước trên Quốc lộ 1A có tọa độ vị trí xả thải nước thải có X = 1176461, Y = 579916 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m^3/ngày

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được xả thải tự chảy ra cống thoát nước qua ống dẫn.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, K=1. cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	--	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	50		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	BOD_5	mg/l	30		phải quan trắc nước thải tự đông, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	TDS	mg/l	500		
5	Sunfua	mg/l	1.0		
6	Phosphat	mg/l	6		
7	Amoni	mg/l	5		
8	Nitrat	mg/l	30		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
11	Coliform	MNP/ 100ml	3.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Mạng lưới đường ống thu gom nước mưa tại dự án là mạng lưới hình xương cá với tổng chiều dài đường ống là 946,4 m gồm tuyến ống nhánh và tuyến ống chính, cụ thể như sau:

+ Tuyến ống nhánh thu gom thoát nước mưa tại dự án là hệ thống ống PVC D90 - D114 để thu nước mưa từ mái nhà sau đó đấu nối vào các hố ga thu nước mưa trên tuyến ống chính.

+ Tuyến ống chính tại dự án là hệ thống cống BTCT D300-D500 mm bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường nội bộ và sau đó đấu nối vào đường cống thoát nước công cộng trên quốc lộ 1A sau đó chảy ra sông Vàm Cỏ Đông cách khoảng 700m.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng tại 5 khu nhà vệ sinh (bao gồm nhà vệ sinh cho khách hàng nam và nữ, nhà vệ sinh cho khách hàng khuyết tật, nhà vệ sinh cho bảo vệ và nhà vệ sinh dành cho nhân viên Siêu thị) sẽ được chứa vào 3 bể tự hoại 3 ngăn để phân hủy một phần các chất hữu cơ, lượng nước trong bể sau khi qua các ngăn sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị Co.opmart với công suất 50 m^3/ngày cụ thể như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh dành cho khách hàng nam, nhà vệ sinh dành cho khách hàng nữ và nhà vệ sinh dành cho khách hàng khuyết tật được dẫn về bể tự hoại 1 để xử lý sơ bộ và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị Co.opmart.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh dành cho bảo vệ được dẫn về bể tự hoại 2 để xử lý sơ bộ và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị Co.opmart.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh dành cho nhân viên Siêu thị được dẫn về bể tự hoại 3 để xử lý sơ bộ và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị Co.opmart.

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sơ chế và chế biến thức ăn tại khu vực khu vực chế biến thức ăn, khu vực Fastfood sẽ xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, nước thải sau đó được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị Co.opmart với công suất 50 m^3/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- *Quy trình công nghệ:* Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn và Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lọc → Bể lắng 2 → Bể trung gian kết hợp lọc ngược → Khử trùng →Xả vào nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung trên Quốc lộ 1A.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số thiết kế
1	Bể tự hoại 1	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 5,5x3,1x1,45 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
2	Bể tự hoại 2	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2,4x1,85x1,6 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
3	Bể tự hoại 3	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2,4x1,85x1,6 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
4	Bể thu gom – TK01	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2x1,5x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
5	Bể tách dầu mỡ - TK02	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2,8x2x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong

6	Bể điều hòa – TK03	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 4,2x2x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
7	Bể sinh học MBBR – TK04	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2x2x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
8	Bể aerotank -TK05	01 bể	- Kích thước: 4x3,2x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
9	Bể lắng – TK06	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2x2x3,5m - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
10	Bể khử trùng – TK07	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 2x1,8x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
11	Bể chứa bùn – TK08	01 bể	- Kích thước: Dài×Rộng×Cao: 1.8x1x3 - Vật liệu: BTCT chống thấm bên trong
12	Bể lọc áp lực	01 bể	- Kích thước: Đường kính×Cao: 0.8x2,2 - Vật liệu: Inox 304

- *Công suất thiết kế:* 50 m^3/ngày.đêm.

- *Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A Phụ lục này):* Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo Điểm h, Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom và xử lý nước thải đạt giới hạn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12859/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Bến Lức)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
1	Hộp chứa mực in (loại có các TPNH trong nguyên liệu sản xuất mực)	080204	2
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	160106	56
3	Pin, ắc quy thải	160112	2
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	170204	28
	Tổng cộng		**88**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Thùng, bao bì carton	17.000 (kg/năm)
2	Bao bì nilon	950 (kg/năm)
3	Dầu ăn thải	400 (kg/năm)
4	Bùn thải	6 (m^3/năm)

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải sinh hoạt tại Siêu thị Co.opmart phát sinh trung bình khoảng 10,064 tấn/tháng chủ yếu từ các nguồn: rác thải sinh hoạt của nhân viên và khách đến Siêu thị Co.opmart, ngoài ra còn có một lượng rác thải hình thành trong quá trình thải bỏ các loại thực phẩm tươi sống đến hạn sử dụng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng PVC loại 10 lít màu đỏ có dán nhãn mã số CTNH (04 thùng) và

thùng xốp loại 70 lít (01 thùng) tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 5 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: bố trí dạng kho kín có mái che, nền bê tông xi măng chống thấm, có gờ chống tràn để tránh tình trạng rò rỉ CTNH, được lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại TCVN 6707:2009 Tiêu chuẩn quốc gia về chất thải nguy hại - dấu hiện cảnh báo và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều, bố trí các bình chữa cháy và thùng chứa cát khô, xẻng để sử dụng trong trường hợp có cháy hoặc rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại dạng lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bao bì carton, bao bì nilon được chủ đầu tư thu gom, phân loại và cuối mỗi ngày sẽ được để đưa về khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường để lưu chứa.

- Dầu ăn thải được chủ đầu tư thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa dung tích 30 lít có nắp đậy kín và đặt tại một góc trong khu vực bếp để thuận tiện cho việc thu gom dầu ăn.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 30m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: nền bê tông xi măng chống thấm, có mái che bằng tole, bên trong khu vực lưu chứa chất thải rác công nghiệp thông thường được phân chia thành từng ô ứng với từng loại chất thải được lưu chứa và được dán nhãn tên chất thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Vị trí	Loại thùng (lít)	Số lượng (cái)
Cửa chính siêu thị	10	2
Cửa hông siêu thị	10	1
Khu ẩm thực	10	2
Khu rau củ quả	10	2
Khu chứa chất thải sinh hoạt	120	6
Tổng		**13**

2.3.2. Khu vực tập kết:

Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20 m^2, được thiết kế có nền bê tông, có tường bao xung quanh và mái che và được dán biển cảnh báo đúng theo

quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Siêu thị, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12859 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Bến Lức)

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. ***Chậm nhất là 10 ngày*** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động của dự án.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.